

Light

FLUX S3S SLIP ON MID

FLUXS3SSOM

Giày bảo h ộ **cao** c ổ i, **dàn** **không** **gàn** **không** n ghiệ p thự c phẩm .

Giày bảo h ộ S3 c ổ **trượt không gành không** n ghiệ p thự c phẩm **mũi giày** nổ ẹ , phần **thân trên** bằn g chất l iệu **Lorica** dễ v ệ sinh và khả **năng thoáng khí mang** l ạ

Những vật liệu **cao** cấp hơn	**Lorica**
lót bên trong	i **tái** chế lưới
trong Đ	ệm **chân** SJ **Memory Foam**
iữa đế g	ệt chống thủ ng
ngoài Đ	**PU / PU**
u Đứng đầ	**Nanocarbon**
i Loạ	**S3S / SR, FO, CI, ESD**
Phạm **vi kích** thước	**EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5** **JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315**
ng lượng **thép**	**0.535 kg**
ẩn **hiêu** chu	**EN ISO 20345:2022+A1:2024** **ASTM F2413:2024**

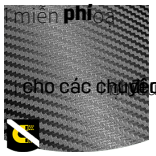




BLK



WHT



Kim l
Giày an toàn không có **kim** an siêu **toàn thông** thường. **Chúng** cũng
miễn **phí** loạ
cho các **chuyên** **giày**.



Lorica
Lorica là **và** độ chắc chắn vượt t
phẩm **có** khả **năng** chống nước,
dáp **tiêu** HACCP
nghiệm



X
ESD cung cấp khả **năng** xả **năng** lượng **tĩnh** điện **có** kiểm soát có thể **làm** hỏng **các** bộ phận điện tử và **ngăn** ngừa **do** tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách **(CI)** **chúng** được mặc



& nhiên
ế ngoài **có**



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu **công** nghệ **cao** siêu nhẹ,
kim l

Công nghiệp **n:**

Thự cựphẩm &Đ phục vụ ăn uố ạnh g, Lưu hà ọ c , thuộ c v ề y h ọ c , Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rươ ờn ggiầy khô, môi

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giầy, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ cáp hù hợ nhiệ g Không trên lò s

K

Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica**				
cao cấp h ơn				
Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	1.8	ờ	mg/cm/g
Top: h ệ số ớ	? 15	16		mg/cm2
ót bên trong i **tái** h ế ớ				
L ớp lót: ấm ớ	? 2	86.31	ờ	mg/cm/g
lót: h ệ số ớ	? 20	691		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân** **SJ Memory Foam**				
ệ m chân Độ ố n g mài mòn (khô/ ớ) (chu kỳ)	25600/12600	25600/12600		chu kỳ
goài Đ **PU / PU**				
Độ ố n g mài mòn ế ngoài (	? 150	40.9		mm
Chư ố ợ t bản - Ceramic + NaLS - Trư ợ t v ề phía t	? 0.31	0.43		ma sát
rư Độ ố ợ t bản - G ố m + NaLS - Trư ợ t v ề phía t	? 0.36	0.56		ma sát
rư Độ ố ợ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t phía t	? 0.19	0.29		ma sát
Chư ố ợ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ợ t v ề phía t	? 0.22	0.25		ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	32.4		megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	13		megaohm
Hấp thụ năng l ượ g chân ủ	? 20	30		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**				
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A		mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A		mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	15		mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.5		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả				
V ật l iệu		6.48		kg
Bao bì		0.13		kg
ất Sản x u		1.90		kg
Chuyên ch ở		0.26		kg
		8.77 kg CO2/ cặp		

Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
Product		9%	
Bao bì		99%	

Tính toán CO2:

ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.